

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04/11/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Phương

2. Ông Luân Văn Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà Trung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số: 584/TB-TA ngày 28 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hứa Tuấn N - sinh năm: 1982;

Trú tại: tổ 07, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thanh H - sinh năm: 1986;

Trú tại: tổ 10, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2021, bản tự khai đề ngày 24/8/2021 và lời khai trong quá trình hòa giải nguyên đơn ông Hứa Tuấn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phan Thanh H kết hôn ngày 21/12/2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tiến hành tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng ngày 01/6/2018. Khi cưới, ông công tác tại Ủy ban nhân

dân xã Quang Vinh, huyện T(nay là huyện T), tỉnh Cao Bằng, còn bà H công tác tại Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến ngày 03/11/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng xảy ra cãi vã thường xuyên nhưng không có xô xát. Gia đình hai bên và tự bản thân vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng ly thân từ ngày 03/11/2018 cho đến nay và đã không còn quan tâm đến nhau nữa. Ông xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn được và yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống hai vợ chồng có 01 (một) con chung là Hứa Linh T – sinh ngày: 26/9/2018 (Giới tính: Nữ). Sau khi ly hôn, bà H sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hiện nay, ông là lao động tự do (cụ thể thực hiện công việc lắp đặt điện nước cùng với một số người, lợi nhuận được chia đều). Tuy nhiên, ông không thường có việc, thu nhập khoảng 2.000.000 đồng/tháng nên chỉ có thể cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/8/2021, ngày 24/8/2021 và lời khai trong quá trình hòa giải bị đơn bà Phan Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hứa Tuấn N kết hôn ngày 21/12/2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tiến hành tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng ngày 01/6/2018. Khi cưới, ông N công tác tại Ủy ban nhân dân xã Quang Vinh, huyện T(nay là huyện T), tỉnh Cao Bằng còn bà công tác tại Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng. Hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ ngày 03/11/2018 do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng xảy ra cãi vã thường xuyên nhưng không có xô xát. Gia đình hai bên và tự bản thân vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng ly thân từ ngày 03/11/2018 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, ông N yêu cầu ly hôn bà nhất trí.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) con chung là Hứa Linh T – sinh ngày: 26/9/2018 (Giới tính: Nữ). Sau khi ly hôn, bà sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Nam có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 21/10/2021, ông N trình bày: Hợp tác xã T được thành lập năm 2016 với ngành nghề kinh doanh nông sản (khoai tây). Sau đó, do

huyện hỗ trợ nên hợp tác xã có công trình làm đường nông thôn mới. Đây cũng là công trình xây dựng duy nhất hợp tác xã thực hiện. Sau một thời gian hoạt động do thua lỗ nên hợp tác xã ngừng kinh doanh. Hiện nay, hợp tác xã đã giải thể. Đối với cửa hàng tổng hợp H, ông cùng với anh rể là Hoàng Văn T kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị điện nước, dịch vụ cung cấp giống cây trồng, thức ăn chăn nuôi tại thị trấn Hùng Quốc, huyện T (nay là huyện T), tỉnh Cao Bằng. Cửa hàng này hiện cũng đã chấm dứt hoạt động kinh doanh. Hiện tại, ông là lao động tự do với thu nhập hàng tháng chỉ khoảng 2.000.000 đồng/tháng với công việc lắp đặt điện nước, làm mái tôn với ông Hoàng Trọng B (trú tại: tổ 13, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) và ông Hà Chung K (trú tại: tổ 05, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng). Công việc này cũng không ổn định, lúc có việc lúc không có việc đặc biệt do tình hình dịch Covid như hiện nay. Với điều kiện thu nhập như vậy, ông chỉ có khả năng cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về phía bị đơn tại phiên tòa ngày 21/10/2021 vẫn giữ nguyên ý kiến mức cấp dưỡng nuôi con ông N phải thực hiện là 2.000.000 đồng/tháng bởi ngoài thu nhập từ công việc ông N trình bày tại tòa ông N còn có thu nhập từ Hợp tác xã T và cửa hàng tổng hợp H. Bên cạnh đó có rất nhiều chi phí phát sinh để nuôi dưỡng con chung do cháu bé ngày càng trưởng thành. Việc bà yêu cầu số tiền cấp dưỡng này nhằm bảo đảm cho cuộc sống của cháu bé chứ bà không đòi hỏi cho cá nhân bà.

Tại phiên tòa ngày 04/11/2021, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến về quan hệ hôn nhân; về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung; về tài sản chung, nợ chung. Đối với mức cấp dưỡng nuôi con, sau khi nghe những tài liệu Chủ tọa phiên tòa công bố liên quan đến Hợp tác xã T, cửa hàng tổng hợp H và các tài liệu khác các đương sự tự nguyện thỏa thuận và thống nhất ông N cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Tuấn N, công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Hứa Tuấn N và bà Phan Thanh H.

Về con chung: Giao con chung Hứa Linh T – sinh ngày: 26/9/2018 (Giới tính: Nữ) cho bà Phan Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Hứa Tuấn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

Về án phí: Ông Hứa Tuấn N phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Ông Hứa Tuấn N khởi kiện việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” với bà Phan Thanh H trú tại: tổ 10, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 11/10/2021, vụ án được xét xử vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 21/10/2021. Tại phiên tòa, do các tài liệu liên quan đến thu nhập cá nhân của nguyên đơn Hứa Tuấn N, việc giải thể của Hợp tác xã T, cửa hàng tổng hợp H chưa được thu thập đầy đủ và làm rõ để có căn cứ quyết định mức cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa. Sau khi thu thập đầy đủ các tài liệu chứng cứ, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã có thông báo số: 584/TB-TA ngày 28/10/2021 mở lại phiên tòa vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 04/11/2021.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà H kết hôn vào ngày 21/12/2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tiến hành tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng ngày 01/6/2018. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Về yêu cầu ly hôn: Tại phiên tòa, ông N và bà H đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 03/11/2018 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Ông N yêu cầu được ly hôn, bà H nhất trí nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông N và bà H.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống, ông N và bà H có một con chung là Hứa Linh T – sinh ngày: 26/9/2018 (Giới tính: Nữ).

Về người trực tiếp nuôi con: Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, hai bên đương sự thỏa thuận, thống nhất bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Đối với mức thu nhập của nguyên đơn, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã xác minh được như sau:

Hợp tác xã T đã hoàn tất các thủ tục và chính thức giải thể từ ngày 07/10/2021 (Giấy xác nhận về việc giải thể của hợp tác xã số: 01/GT-HTX ngày 07/10/2021 của Phòng tài chính – kế hoạch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng). Cửa hàng tổng hợp H đã hoàn tất các thủ tục và chính thức chấm dứt hoạt động kinh doanh từ ngày 26/10/2021 (Giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh số: 02/TCKH ngày 25/10/2021 của Phòng tài chính – kế hoạch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng). Quá trình làm việc với Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Cao Bằng xác định được ông Hứa Tuấn N nay đang sống với mẹ đẻ là bà Hoàng Thị M (bố là liệt sĩ). Bản thân ông N từ tháng 4/2020 cho đến nay không có việc làm và không có thu nhập. Bà M được trợ cấp vợ liệt sĩ hàng tháng là 1.624.000 đồng. Ông Hoàng Trọng B, ông Hà Chung K (là những người làm cùng với ông Hứa Tuấn N) xác nhận công việc của các ông là lắp đặt điện nước, làm mái tôn; khi có nhiều việc thì mới gọi ông N đi làm cùng. Thu nhập tính theo ngày công mỗi ngày là 250.000 đồng tuy nhiên công việc không ổn định, lúc có việc lúc không. Do dịch bệnh Covid nên không có việc làm, năm 2021 ông N làm khoảng 20 công tương đương khoảng 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bên đương sự tự nguyện, thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con ông N có trách nhiệm đóng góp mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần công nhận.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông N và bà H đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Tuấn N.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Hứa Tuấn N và bà Phan Thanh H.

[2]. Về con chung:

Công nhận sự tự nguyện, thoả thuận của các đương sự về con chung cụ thể như sau: Bà Phan Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Hứa Linh T – sinh ngày: 26/9/2018 (Giới tính: Nữ) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Hứa Tuấn N cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hứa Tuấn N và bà Phan Thanh H xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Ông Hứa Tuấn N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước đối với yêu cầu xin ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Hứa Tuấn N đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2018/0001111 ngày 23/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Ông Hứa Tuấn N còn phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quỳnh Mai